



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2011**

**( Báo cáo chưa được kiểm toán )**

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MTV**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**

Trụ sở chính : 328 Đại Lộ Võ Văn Kiệt - Q.1 - TP.HCM  
Tel : (84.8) 3 836 7734 - 3 836 8878 · Fax : (84.8) 3 836 0582  
Website : [www.chuongduongcorp.vn](http://www.chuongduongcorp.vn) · Email : [cdacic@vnn.vn](mailto:cdacic@vnn.vn)  
Mã chứng khoán (HOSE) : CDC

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

*Báo cáo tài chính quý 4 năm 2011*

*( Báo cáo chưa được kiểm toán )*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

## MỤC LỤC

*Trang*

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2011

Bảng cân đối kế toán	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>455,165,076,779</b>	<b>428,359,959,139</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>7,740,299,897</b>	<b>24,292,555,330</b>
1. Tiền			7,740,299,897	24,292,555,330
2. Các khoản tương đương tiền				
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4</b>	<b>4,070,173,000</b>	<b>20,313,229,600</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6,894,428,209	22,134,478,209
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2,824,255,209)	(1,821,248,609)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>213,137,347,474</b>	<b>185,324,025,898</b>
1. Phải thu khách hàng	131		166,036,946,215	163,298,635,691
2. Trả trước cho người bán	132		56,739,426,778	29,744,689,907
3. Các khoản phải thu khác	135		1,180,526,021	893,953,850
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10,819,551,540)	(8,613,253,550)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>213,282,164,384</b>	<b>184,239,857,741</b>
1. Hàng tồn kho	141		213,282,164,384	184,239,857,741
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>6</b>	<b>16,935,092,024</b>	<b>14,190,290,570</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		16,935,092,024	14,190,290,570

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>232,011,012,047</b>	<b>217,445,583,533</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24,158,022,739</b>	<b>27,375,823,995</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	21,395,502,677	24,378,961,537
- Nguyên giá	222		58,416,763,821	59,598,349,658
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37,021,261,144)	(35,219,388,121)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	2,762,520,062	2,996,862,458
- Nguyên giá	228		4,686,848,000	4,686,848,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,924,327,938)	(1,689,985,542)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>46,081,759,874</b>	<b>48,531,749,023</b>
- Nguyên giá			50,953,767,209	52,257,110,810
- Giá trị hao mòn lũy kế			(4,872,007,335)	(3,725,361,787)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>160,061,503,231</b>	<b>139,884,116,637</b>
1. Đầu tư vào công ty con		10.1	154,968,268,934	134,084,116,637
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		10.2	1,300,000,000	1,300,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác		10.3	4,500,000,000	4,500,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			(706,765,703)	
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,709,726,203</b>	<b>1,653,893,878</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1,657,068,203	1,405,944,418
2. Tài sản dài hạn khác	268		52,658,000	247,949,460
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>687,176,088,826</b>	<b>645,805,542,672</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>433,812,900,494</b>	<b>399,706,878,137</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>377,439,013,649</b>	<b>340,881,001,235</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	172,916,480,136	144,531,343,618
2. Phải trả người bán	312		84,987,139,424	96,444,703,850
3. Người mua trả tiền trước	313		28,008,668,640	9,079,038,064
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	21,684,694,048	27,571,691,353
5. Phải trả người lao động	315		2,602,541,335	4,432,967,291
6. Chi phí phải trả	316	14	39,794,452,748	33,830,078,663
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	25,907,314,610	22,511,255,688
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,537,722,708	2,479,922,708
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>56,373,886,845</b>	<b>58,825,876,902</b>
1. Phải trả dài hạn khác			6,176,984,770	6,992,818,214
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	50,007,400,000	51,742,119,000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		189,502,075	90,939,688
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>253,363,188,332</b>	<b>246,098,664,535</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>253,363,188,332</b>	<b>246,098,664,535</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	149,587,330,000	124,657,150,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77,142,009,600	77,142,009,600
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,015,010,370	13,480,100,370
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,387,063,890	5,387,063,890
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20,231,774,472	25,432,340,675
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>687,176,088,826</b>	<b>645,805,542,672</b>

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

*Bùi Thị Hồng Nga*

Bùi Thị Hồng Nga

*Văn Minh Hoàng*

Văn Minh Hoàng



*Trần Mai Cường*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH QUÝ 4/2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2011	Luỹ kế từ đầu năm 2011	Quý 4/2010	Luỹ kế từ đầu năm 2010
39. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	85.572.205.055	250.843.164.031	97.088.997.331	376.622.208.307
40. Các khoản giảm trừ	03		-	-	-	-
41. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		85.572.205.055	250.843.164.031	97.088.997.331	376.622.208.307
42. Giá vốn hàng bán	11	19	71.997.035.013	212.868.036.185	90.856.922.974	319.871.881.240
<b>43. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13.575.170.042</b>	<b>37.975.127.846</b>	<b>6.232.074.357</b>	<b>56.750.327.067</b>
44. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	275.940.607	2.146.585.075	1.222.726.419	2.945.901.924
45. Chi phí tài chính	22	21	2.639.051.244	9.721.248.711	5.210.943.207	11.398.800.353
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		2.194.398.344	7.807.698.424	5.069.736.407	10.098.152.553
46. Chi phí bán hàng	24		185.305.951	754.265.056	126.773.899	126.773.899
47. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.553.101.903	8.343.232.503	4.177.516.296	11.392.824.362
<b>48. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>8.473.651.551</b>	<b>21.302.966.651</b>	<b>(2.060.432.626)</b>	<b>36.777.830.377</b>
49. Thu nhập khác	31		655.653.200	1.440.571.061	354.627.443	846.097.205
50. Chi phí khác	32		126.788.285	(243.542.730)	581.228.511	838.034.882
<b>51. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>528.864.915</b>	<b>1.684.113.791</b>	<b>(226.601.068)</b>	<b>8.062.323</b>
<b>52. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết LD</b>	<b>45</b>					
<b>53. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>9.002.516.466</b>	<b>22.987.080.442</b>	<b>(2.287.033.694)</b>	<b>36.785.892.700</b>
54. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	51		2.250.629.117	5.708.905.986		9.309.920.538
<b>55. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.751.887.350</b>	<b>17.278.174.457</b>	<b>(2.287.033.694)</b>	<b>27.475.972.162</b>

NGƯỜI LẬP



Bùi Thị Hồng Nga

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Văn Minh Hoàng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Mai Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ( Theo phương pháp gián tiếp )**  
**Quý 4 năm 2011**

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến quý 4	Lũy kế đến quý 4
			Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>22.987.080.442</b>	<b>36.785.892.700</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		3.431.785.593	5.584.839.686
- Các khoản dự phòng	03		3.619.829.396	346.782.403
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05			26.908.967
- Chi phí lãi vay	06		9.721.248.711	(10.098.152.553)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>39.759.944.142</b>	<b>32.646.271.203</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(31.732.330.515)	28.905.721.268
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(29.042.306.643)	(46.404.602.005)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.301.495.078	(9.594.498.348)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(5.708.205.329)	5.869.358.932
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.613.765.132)	(10.098.152.553)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.859.180.952)	(7.973.226.968)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(830.040.837)	(366.376.708)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(37.724.390.188)</b>	<b>(7.015.505.179)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(130.421.363)	(7.671.417.479)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.061.450.000)	(12.451.500.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.597.740.897	348.338.082
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.884.152.297)	(127.108.631.826)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			1.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.478.282.763)</b>	<b>(146.882.211.223)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ( Theo phương pháp gián tiếp )**  
 Quý 4 năm 2011

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến quý 3	Lũy kế đến quý 4
			Năm 2011	Năm 2010
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		24.930.180.000	82.199.840.000
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		302.269.867.992	260.076.884.539
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(275.619.450.474)	(190.317.575.555)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.930.180.000)	(12.465.715.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>26.650.417.518</b>	<b>139.493.433.984</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(16.552.255.433)</b>	<b>(14.404.282.418)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.292.555.330	38.696.837.748
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3	7.740.299.897	24.292.555.330

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Hồng Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Văn Minh Hoàng

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Mai Cường*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Chương Dương là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng thuộc Tổng Công Ty Xây dựng số 1 theo quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 03 năm 2010.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Công ty có trụ sở tại 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

#### ***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

#### ***Niên độ kế toán***

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### ***Cơ sở lập báo cáo tài chính***

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các xí nghiệp của Công ty hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các xí nghiệp. Doanh thu và số dư giữa văn phòng Công ty và các xí nghiệp được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

#### ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

#### ***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản thu tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

**Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 30 năm
Máy móc thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất và nhà cửa	30 năm
------------------------------	--------

**Đầu tư vào các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư chứng khoán***

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

***Chi phí trả trước dài hạn***

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, lợi thế thương mại được phân bổ dần từ 2 năm đến 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

***Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản công nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ tài sản và công nợ ngắn hạn được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.

***Các khoản phải trả và trích trước***

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

***Chi phí lãi vay***

Chi phí lãi vay được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa cụ thể như sau:

- Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và xây dựng tài sản cố định cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định.
- Chi phí lãi vay liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản được hạch toán vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh khi phát sinh doanh thu từ việc bán các sản phẩm từ các dự án bất động sản.

***Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

***Cổ tức***

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

**Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.162.998.020	9.049.107.375
Tiền gửi ngân hàng	6.577.301.877	15.243.447.955
Tiền gửi VND	6.577.301.877	15.238.865.412
Tiền gửi USD		4.582.543
Các khoản tương đương tiền		
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.740.299.897</b>	<b>24.292.555.330</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>4.826.428.209</b>		<b>4.764.978.209</b>
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	8.000	374.935.000	8.000	374.935.000
Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE	14.960	492.984.000	14.960	492.984.000
Công ty CP Cáp & Vật liệu viễn thông SAM	3.600	176.642.000	3.600	176.642.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	28.957	551.283.724	28.957	507.853.724
Công ty CP phân đạm & hóa chất dầu khí (DPM)	5.000	239.979.000	5.000	239.979.000
Tổng công ty bảo hiểm dầu khí Việt Nam (PVI)	4.050	112.053.250	4.050	112.053.250
Công ty CP Xi măng Bim Sơn (BCC)	5.000	87.718.750	5.000	87.718.750
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn (BKC)	-	-	-	-
Tập đoàn Bảo Việt (BVH)	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (EIB)	14.400	341.476.800	14.400	341.476.800
Công ty CP Xi măng Hoàng Mai (HOM)	6.000	105.289.800	6.000	105.289.800
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	4.730	92.551.230	4.730	92.551.230
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	3.000	86.659.200	3.000	86.659.200
Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVF)	20.400	673.329.125	17.000	673.329.125
Công ty CP vận tải dầu khí (PVT)	23.100	328.127.630	23.100	328.127.630
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	3.699	36.989.700	3.699	36.989.700
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SGT)	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	24.000	666.884.000	24.000	666.884.000
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội (SHS)	6.000	156.315.000	6.000	156.315.000
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (VCB)	7.265	303.210.000	5.463	285.190.000
<b>Trái phiếu</b>		<b>68.000.000</b>		<b>68.000.000</b>
Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE	68	68.000.000	68	68.000.000
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		<b>2.000.000.000</b>		<b>17.301.500.000</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.894.428.209</b>		<b>22.134.478.209</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.263.539.075	3.033.720.534
Công cụ dụng cụ	393.399.740	417.129.657
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	208.625.225.569	180.789.007.550
+ Công trình xây dựng	37.235.996.315	26.430.983.540
+ Dự án bất động sản	171.389.229.254	154.358.024.010
<b>Tổng cộng</b>	<b>213.282.164.384</b>	<b>184.239.857.741</b>

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	16.554.276.378	13.840.909.237
Ký quỹ, ký cược	380.815.646	349.381.333
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.935.092.024</b>	<b>14.190.290.570</b>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	4.686.848.000	4.686.848.000
Số dư cuối kỳ	4.686.848.000	4.686.848.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	1.865.742.339	1.865.742.339
Khấu hao trong kỳ	58.585.599	58.585.599
Số dư cuối kỳ	1.924.327.938	1.924.327.938
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	2.821.105.661	2.821.105.661
Tại ngày cuối kỳ	2.762.520.062	2.762.520.062

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	15.030.856.301	23.758.495.317	18.387.485.953	1.224.926.250	58.401.763.821
Mua trong kỳ		15.000.000			15.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-				
Số dư cuối kỳ	15.030.856.301	23.773.495.317	18.387.485.953	1.224.926.250	58.416.763.821
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	8.447.650.850	17.278.096.794	9.732.947.043	865.847.519	36.324.542.206
Khấu hao trong kỳ	150.206.748	277.287.954	241.181.450	28.042.786	696.718.938
Thanh lý, nhượng bán	-				
Số dư cuối kỳ	8.597.857.598	17.555.384.748	9.974.128.493	893.890.305	37.021.261.144
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	6.583.205.451	6.480.398.523	8.654.538.910	359.078.731	22.077.221.615
Tại ngày cuối kỳ	6.432.998.703	6.218.110.569	8.413.357.460	331.035.945	21.395.502.677



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

Khoản mục	Số cuối kỳ	Tăng trong kỳ	Số đầu kỳ
<b>Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>			
- Nhà và quyền sử dụng đất	50.953.767.209		50.953.767.209
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
- Nhà và quyền sử dụng đất	4.872.007.335	287.136.732	4.584.870.603
<b>Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>			
- Nhà và quyền sử dụng đất	46.081.759.874		46.368.896.606

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**10.1 Đầu tư vào công ty con**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Tỷ lệ vốn tham gia	Số cuối kỳ	Tỷ lệ vốn tham gia	Số đầu năm
Công ty TNHH TM Chương Dương (1)	100%	20.000.000.000	100%	20.000.000.000
Công ty TNHH XD Chương Dương số Một (2)	65%	1.300.000.000	65%	1.300.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương (3)	80%	128.908.967	80%	128.908.967
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Thuận Thành Phát (4)	100%	133.406.433.686	100%	112.522.281.389
Công ty TNHH XD Chương Dương Sài Gòn (5)	90%	132.926.281	90%	132.926.281
<b>Tổng cộng</b>		<b>154.968.268.934</b>		<b>134.084.116.637</b>

(1) Vốn điều lệ của Công ty TNHH TM Chương Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 100% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp đủ vốn.

(2) Vốn điều lệ của Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương số 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 2 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 65% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp đủ vốn.

(3) Vốn điều lệ của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 80% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp 128.908.967 đồng chiếm 13% vốn điều lệ.

(4) Vốn điều lệ của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thuận Thành Phát theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 93,3% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp 133.406.433.686 đồng chiếm 89% vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(5) Vốn điều lệ của Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 2 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 90% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp 132.926.281 đồng chiếm 7% vốn điều lệ.

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**10.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Tỷ lệ vốn tham gia	Số cuối kỳ	Tỷ lệ vốn tham gia	Số đầu năm
Công ty CP Tháp Nam Việt (*)	30%	1.300.000.000	30%	1.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.300.000.000</b>		<b>1.300.000.000</b>

(\*) Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tháp Nam Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 5 tỷ đồng, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 30% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp 1.300.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40,86% vốn thực tế đã góp và chiếm 26% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tháp Nam Việt.

**10.3 Đầu tư dài hạn khác**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần BOT Cầu Đồng Nai	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty cổ phần Thủy Điện Srok Miêng IDICO	500.000.000	500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.577.068.203	1.285.944.418
Lợi thế doanh nghiệp	80.000.000	120.000.000
	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.657.068.203</b>	<b>1.405.944.418</b>

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (1)	34.430.978.100	34.479.743.618
Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 3 (2)	8.180.794.000	10.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 (3)	38.904.708.036	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (4)	91.400.000.000	70.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 16)		51.600.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>172.916.480.136</b>	<b>144.531.343.618</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(1) Vay ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Đồng Nai lãi suất từ 1,41%/tháng. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công trình, quyền phải thu khối lượng công trình. Mục đích vay thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp và trả tiền lương công nhân công trình, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(2) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 3 với lãi suất khoảng 1,41%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền khối lượng thi công xây lắp. Tài sản thế chấp là BĐS tại địa chỉ số 100/6 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Q1, Tp. HCM, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(3) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 với lãi suất khoảng 1,41%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là khoản tiền gửi có kỳ hạn 15 tỷ đồng mở tại Ngân hàng, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín với lãi suất khoảng 14,5%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động xây dựng và hoạt động cho thuê văn phòng. Tài sản thế chấp là 02 BĐS tọa lạc tại 225 Bến Chương Dương, Quận 1, Tp. HCM, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thuế giá trị gia tăng	10.750.223.632	9.232.338.456
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.705.733.240	17.829.834.884
Thuế thu nhập cá nhân	228.737.176	356.643.829
Các loại thuế khác		152.874.184
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.684.694.048</b>	<b>27.571.691.353</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cọc, bê tông cốt thép nhà máy xi măng Phương nam	652.249.675	652.249.675
Chi phí XD NM xi măng Chinfon Hiệp Phước	2.396.300.155	
Chi phí xây dựng công trình depot Suối Tiên	3.126.956.031	3.390.592.395
Chi phí xây dựng công trình mùa đường cồn Long Mỹ Phát	665.287.969	665.287.969
Chi phí XD CT Đồng Nai 4		1.150.841.035
Hệ thống cấp điện – NM Codupha	542.461.061	-
Chi phí Tank lên men NM bia Sài Gòn	673.329.985	804.272.727
Chi phí CT NX Việt – Ý		146.782.691
Chi phí khối lượng kho lương thực đồng tháp	4.745.841.536	5.225.098.444
Khu liên hợp thể thao – CCCC Phúc Yên	433.806.299	-
Chi phí Bến Phà Tam Hiệp	578.156.457	581.706.457
Chi phí Xây lắp chính, nhà tạm, TB PCCC - Trụ sở BCHQS P15, Q5	336.773.002	264.545.455
Chi phí XD trường tiểu học Lý Cảnh Hôn Quận 5	1.434.219.701	760.641.223
Chi phí Xây dựng nhà lưu niệm văn phòng trung ương cục Miền Nam (46/HĐ-XD)	161.905.019	161.905.019
Chi phí Trụ sở UBND phường 2 Quận 5	804.940.363	411.000.000
Chi phí Trụ sở UBND phường 7 Quận 5	2.300.237.354	1.318.276.645
Chi phí Trụ sở Cty CP Viễn Thông Miền Tây (HĐKT số 02/HĐ)		1.248.009.933
XD biệt thự lô C8-Khu biệt thự EDEN (07/CDC)	237.937.764	1.373.878.619
XD hệ thống phát thanh-camera-điện thoại thuộc trung tâm phân phối DP Codupha	261.616.393	4.330.316.000
Thi công tòa nhà cao ốc Eximland	2.982.286.924	1.179.476.364
Đầu tư XD khu nhà thực hành công nghệ cao LILAMA	192.670.675	650.000.000
Chi phí XL21-N2.TP2-Xây lắp hạ tầng kỹ thuật KP7, 9, P. 5, Q. Gò Vấp (HĐ 72/HĐ)	264.633.141	191.557.258
Chi phí XL10-N2.TP2-Xây lắp hạ tầng kỹ thuật KP7, 9, P. 5, Q. Gò Vấp (HĐ 71/HĐ)	474.036.505	
XD nhà máy sản xuất thuốc thú y V.E.T		851.223.649
Thi công phần thân KS 202-203 BCD Q1, Tp. HCM		2.431.928.571
Thi công bệnh viện đa khoa Tây nguyên	13.683.886.911	
Thi công nhà xưởng RSIL Bình Dương	1.046.602.584	
Cảng cá Xẻo Nhàu – Kiên Giang	947.125.190	
Cải tạo trung tâm giám định xe cơ giới – Cty Bảo Việt Sài Gòn	460.185.136	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi phí phải trả khác	391.006.918	6.040.488.534
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.794.452.748</b>	<b>33.830.078.663</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.544.299.105	1.306.935.324
Bảo hiểm	1.357.875.887	163.835.816
Phải trả khác	23.005.139.618	21.036.816.774
- Phải trả tạm ứng	7.325.170.331	9.668.496.271
- Phải trả khác	15.679.969.287	11.371.988.277
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.907.314.610</b>	<b>22.511.255.688</b>

**16. VAY DÀI HẠN**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn</b>	<b>50.007.400.000</b>	<b>51.793.719.000</b>
Công ty Tài Chính Cao Su (1)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11 (2)		1.683.119.000
Ngân hàng VID Public (3)	7.400.000	110.600.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		<b>51.600.000</b>
Ngân hàng VID Public (4)		51.600.000
<b>Số dư vay dài hạn</b>	<b>50.007.400.000</b>	<b>51.742.119.000</b>

(1) Vay công ty Tài Chính Cao Su với lãi suất 1,3%/tháng, mục đích vay là đầu tư dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương, thời hạn vay 24 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(2) Vay ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn theo hợp đồng 0748048 ngày 26 tháng 12 năm 2007 với lãi suất 1,41%/tháng, mục đích mua máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo bằng tài sản máy móc thiết bị, thời hạn vay là 4 năm, thời hạn thanh toán theo kỳ 3 tháng. Và theo hợp đồng 6480-LAV-201000127 ngày 10 tháng 03 năm 2010 với lãi suất 1,18%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 225 Bến Chương Dương, thời hạn vay 18 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(4) Vay ngân hàng VID Public theo hợp đồng HCM/CL/08/053 ngày tháng năm với lãi suất 1,42%/tháng, mục đích mua xe con phục vụ thi công. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay 48 tháng, lãi được trả hàng tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

Cổ đông	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của nhà nước	35.555.700.000	23,77	29.629.760.000	23,77
Vốn góp của các đối tượng khác	114.031.630.000	76,23	95.027.390.000	76,23
<b>Tổng cộng</b>	<b>149.587.330.000</b>	<b>100</b>	<b>124.657.150.000</b>	<b>100</b>

**17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức được chia**

*Đơn vị: đồng Việt Nam*

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	124.657.150.000	64.657.150.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	24.930.180.000	60.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	149.587.330.000	124.657.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.922.408.950	

**17.3 Cổ phiếu**

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.958.733	12.465.715
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.958.733	12.465.715
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.958.733</i>	<i>12.465.715</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.958.733	12.465.715
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.958.733</i>	<i>12.465.715</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/1 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.4 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>124.657.150.000</b>	<b>77.142.009.600</b>	<b>13.480.100.370</b>	<b>5.387.063.890</b>	<b>25.432.340.675</b>	<b>246.098.664.535</b>
- Tăng vốn	24.930.180.000	-	-	-	-	24.930.180.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	17.278.174.457	17.278.174.457
- Chia các quỹ						
- Giảm khác					10.013.650.660	10.013.650.660
- Chia cổ tức	-	-	12.465.090.000	-	12.465.090.000	24.930.180.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>149.587.330.000</b>	<b>77.142.009.600</b>	<b>1.015.010.370</b>	<b>5.387.063.890</b>	<b>20.231.774.472</b>	<b>253.363.188.332</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Xây lắp	41.991.757.370	86.755.357.139
Dự án	31.236.788.268	
Bán vật tư	4.523.330.059	2.008.896.997
Cho thuê nhà văn phòng	7.820.329.358	8.324.743.195
Khác	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.572.205.055</b>	<b>97.088.997.331</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Xây lắp	40.069.122.266	84.570.538.127
Dự án	25.536.917.999	
Bán vật tư	3.265.111.631	2.439.762.050
Cho thuê nhà văn phòng	3.125.883.117	3.846.622.797
Khác	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.997.035.013</b>	<b>90.856.922.974</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi tiền gửi	30.050.407	899.215.019
Kinh doanh chứng khoán	245.890.200	323.511.400
Lợi nhuận được chia		
<b>Tổng cộng</b>	<b>275.940.607</b>	<b>1.222.726.419</b>

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH***Đơn vị: đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi tiền vay	2.194.398.344	5.069.736.407
Kinh doanh chứng khoán		
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	444.652.900	141.206.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.639.051.244</b>	<b>5.210.943.207</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Thu nhập trước thuế trong quý (1)</b>	<b>9.002.516.466</b>	<b>(2.287.033.694)</b>
Điều chỉnh tăng (2)	-	
Cổ tức, lợi nhuận được chia (3)	-	
Thu nhập tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	2.250.629.117	
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (5)	25%	25%
<b>Thuế TNDN phải nộp trong kỳ (6)=(4)*(5)</b>	<b>2.250.629.117</b>	<b>-</b>

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ có phát sinh các giao dịch với các bên có liên quan như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty TNHH TM Chương Dương	Công ty con	Công ty mua vật tư	2.524.703.784
		Công ty thuê thiết bị	-
		Công ty cho thuê văn phòng	45.031.977
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1	Công ty con	Công ty nhận công trình hoàn thành	1.859.892.937
Công ty TNHH Tư vấn ĐT xây dựng Chương Dương	Công ty con	Công ty nhận công trình hoàn thành	1.529.000.000
Công ty TNHH xây dựng Chương Dương Sài Gòn	Công ty con	Công ty nhận công trình hoàn thành	30.000.000
		Công ty cho thuê văn phòng	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Các bên liên quan	Nội dung	Số tiền
<b>Phải thu</b>		
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Số 1	Xây lắp công trình	6.403.047.173
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	Xây lắp công trình	1.905.402.230
Công ty cổ phần Tháp Nam Việt	Khối lượng hoàn thành	
Công ty TNHH tư vấn ĐTXD Chương Dương	Tư vấn , thiết kế	512.645.159
<b>Phải trả</b>		
Công ty TNHH TM Chương Dương	Mua vật tư	24.017.857.934

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	189.362.946	500.625.000
Thù lao Ban kiểm soát	86.377.054	189.315.000
Ban giám đốc	347.350.791	254.173.791
<b>Tổng cộng</b>	<b>623.090.791</b>	<b>944.113.791</b>

Thành phố , Hồ Chí Minh , ngày 09 tháng 02 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

*Bùi Thị Hồng Nga*

*Văn Minh Hoàng*



*Trần Mai Cường*

Bùi Thị Hồng Nga

Văn Minh Hoàng